

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1403/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 22 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực giáo dục tiểu học, lĩnh vực giáo dục trung học, lĩnh vực các cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1755/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 115/TTr-SGDĐT ngày 31 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực giáo dục tiểu học, lĩnh vực giáo dục trung học, lĩnh vực các cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 1755/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Quyết định này bãi bỏ 02 thủ tục hành chính có số thứ tự 4, 5 tại mục B, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ 05 thủ tục hành chính, cụ thể: thủ tục hành chính có số thứ tự 8 tại mục VII, phần A, 02 thủ tục hành chính có số thứ tự 17, 18 tại mục V, phần A, thủ tục hành chính có số thứ tự 6 tại mục II, phần B; thủ tục hành chính có số thứ tự 9 tại mục V, phần B, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ 02 thủ tục hành chính có số thứ tự 2, 3 tại mục II, phần A, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính công bố mới, bị bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục trung học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng.

Quyết định này bãi bỏ thủ tục hành chính có số thứ tự 2 tại mục II, phần A, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thi tuyển sinh, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KGVX, TTTT, TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC(B).



CHỦ TỊCH

Lê Hải Hòa

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN, LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC, LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC, LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số: 1403/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (07 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP XÃ (01 TTHC)						
1	Xét, cấp học bổng chính sách (1.002407)	- Đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển: Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, lập danh sách, dự toán nhu cầu kinh phí và thực hiện việc chi trả học bổng chính sách cho sinh viên theo quy định. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển: (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến	không	- Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của	Nội dung sửa đổi, bổ sung: <i>căn cứ pháp lý; cơ quan giải quyết.</i>

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		quy định, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thông báo cho người học trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Đối với học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú: Cơ sở giáo dục tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, lập danh sách, dự toán nhu cầu kinh phí gửi về cơ quan quản lý trực tiếp. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định, cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo cho người học trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh,	của Sở Nội vụ đối với sinh viên trường đại học, trường cao đẳng sư phạm; qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với sinh viên trường cao đẳng, trường Cao đẳng Sư phạm). - Cơ sở giáo dục nơi học sinh theo học đối với học sinh trường dự bị đại học, trường phổ	toàn trình.		<i>Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</i>	

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		người khuyết tật: + Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: Hiệu trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tổ chức thẩm định hồ sơ, tổng hợp, lập danh sách và dự toán kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên trình cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt, tổng hợp gửi cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập có trách nhiệm thông báo cho người học trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; + Đối với học viên cơ sở	thông dân tộc nội trú. - Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: + Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: hồ sơ hợp lệ xét cấp học bổng chính sách sách nộp tại cơ sở GD nơi học sinh theo học. + Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề				

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		giáo dục nghề nghiệp tư thực: Học viên làm đơn đề nghị gửi cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi theo học để xác nhận vào đơn trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn và hướng dẫn học viên gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên có hộ khẩu thường trú. Ủy ban nhân dân xã tổ chức thẩm định, phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chính sách và xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi cơ quan tài chính cùng cấp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho người học trong thời hạn 07 ngày	nghiep tư thực: nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã				

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.					
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (06 TTHC)							
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN (03 TTHC)							
1	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (1.001622)	24 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ	Cơ sở giáo dục mầm non, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích. - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày	Nội dung sửa đổi, bổ sung: địa điểm thực hiện; căn cứ pháp lý; cơ quan giải quyết.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</i>	
2	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm (1.008950)	24 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ	Cơ sở giáo dục mầm non, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích. - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;	Nội dung sửa đổi, bổ sung: địa điểm thực hiện; căn cứ pháp lý; cơ quan giải quyết.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
3	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (1.008951)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ sở GD mầm non	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	không	- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà	Nội dung sửa đổi, bổ sung: địa điểm thực hiện; căn cứ pháp lý; cơ quan giải quyết.

[illegible]

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước (2.002482)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	không	- Quyết định số 51/2002/QĐ- BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; - Thông tư số 50/2021/TT- BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều tại Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường	Nội dung sửa đổi, bổ sung: địa điểm thực hiện; căn cứ pháp lý; cơ quan giải quyết.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						trung học cơ sở và trung học phổ thông; - Thông tư số 10/2025/TT- BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước	
2	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài (2.002483)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	không	- Quyết định số 51/2002/QĐ- BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; - Thông tư số	Nội dung sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý; cơ quan giải quyết.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						50/2021/TT- BGDDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều tại Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; - Thông tư số 10/2025/TT- BGDDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý	

PHẦN B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (03 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)		
LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (02 TTHC)			
1	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (1.001000)	Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 18/08/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
2	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (1.000181)	Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 18/08/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng	Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 TTHC)		
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN (01 TTHC)			

1	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện (2.002594)	Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 20/03/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thi tuyển sinh, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng	Nghị quyết số 190/2025/NQ- QH ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về việc quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước
---	---	--	--

Tổng số TTHC được công bố:

10 TTHC

Trong đó

- Số TTHC được sửa đổi, bổ sung:

Cấp tỉnh, cấp xã 01 TTHC

Cấp xã 06 TTHC

- Số TTHC bị bãi bỏ:

03 TTHC

- Số TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích:

07 TTHC

- Số TTHC thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình:

06 TTHC

- Số TTHC thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến một phần:

01 TTHC